

Số: 2216 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành chương trình và giao nhiệm vụ đào tạo**

**GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên ban hành theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/03/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 4668/QĐ-ĐHQGHN ngày 10/12/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/04/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Kinh tế quốc tế.


**Điều 2.** Giao cho Trường Đại học Kinh tế tổ chức đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng chuyên ngành Kinh tế quốc tế theo đúng Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội, các quy định hiện hành có liên quan và chương trình đào tạo kèm theo quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch Tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Giám đốc (để b/c)
- Lưu: VT, ĐT, T10.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hồng Sơn

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**  
**Chuyên ngành: Kinh tế quốc tế**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2216 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

**- Tên chuyên ngành đào tạo:**

- + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
- + Tiếng Anh: International Economics

**- Mã số chuyên ngành đào tạo: 60310106**

**- Tên ngành đào tạo:**

- + Tiếng Việt: Kinh tế quốc tế
- + Tiếng Anh: International Economics

**- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ**

**- Thời gian đào tạo: 2 năm**

**- Tên văn bằng tốt nghiệp:**

- + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Kinh tế quốc tế
- + Tiếng Anh: The Degree of Master in International Economics

**- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội**

**2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

**2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế quốc tế theo định hướng ứng dụng trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực kinh tế quốc tế, nhằm phát triển kỹ năng lãnh đạo quản lý và tư duy, rèn luyện khả năng xử lý các tình huống thực tiễn trong công việc; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo trong các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, cũng như có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

Chương trình đào tạo thạc sĩ Kinh tế quốc tế theo định hướng ứng dụng nhằm trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu để tác nghiệp trong các lĩnh vực cụ thể

của thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, chuỗi cung ứng và logistics; nâng cao kỹ năng lãnh đạo quản lý và tư duy, rèn luyện khả năng xử lý các tình huống thực tiễn cũng như ứng dụng và phát huy có hiệu quả kiến thức chuyên ngành kinh tế quốc tế vào việc thực hiện các công việc cụ thể như phân tích, tư vấn chính sách; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, chuỗi cung ứng và logistics, phù hợp với điều kiện thực tế tại các các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước; có thể học tập, nghiên cứu ở bậc cao hơn nếu có ít nhất hai bài báo khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Môn thi tuyển sinh**

- Môn cơ bản: Đánh giá năng lực
- Môn cơ sở: Kinh tế quốc tế
- Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

#### **3.2. Đối tượng tuyển sinh**

##### **3.2.1. Điều kiện văn bằng**

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế quốc tế hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế quốc tế;
- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Kinh tế quốc tế, có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (15 tín chỉ);

##### **3.2.2. Điều kiện thâm niên công tác**

- Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay;
- Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi.

#### **3.3. Danh mục các ngành phù hợp, ngành gần**

- Danh mục các phù hợp: Kinh tế (Có định hướng chuyên ngành/ Chuyên sâu về Kinh tế quốc tế).
- Danh mục các ngành gần: Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng.

### **3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức**

Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Kinh tế quốc tế, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

+ Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+ Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+ Thương mại quốc tế	(3 tín chỉ)
+ Đầu tư quốc tế	(3 tín chỉ)
+ Tài chính quốc tế	(3 tín chỉ)

**3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh:** từ 50-80 học viên/1 năm.

## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức**

#### **1.1. Kiến thức chuyên môn**

##### **1.1.1. Kiến thức chung**

Người học có được thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác - Lênin; Làm chủ được những kiến thức cơ bản của khối ngành kinh tế - quản trị kinh doanh, kiến thức của nhóm ngành kinh tế cũng như kiến thức liên ngành và sử dụng được kiến thức nói trên cho các công việc cụ thể tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức.

##### **1.1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành**

- Người học làm chủ được những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các hoạt động thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng và logistics, vận dụng kiến thức đã được học trong các điều kiện làm việc thực tế của các cơ quan, đơn vị, tổ chức.

- Có khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu, phát hiện và tổ chức thực hiện các công việc phức tạp trong hoạt động tư vấn, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, quản trị tài chính quốc tế, quản trị chuỗi cung ứng và logistics.

- Phát huy và sử dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành vào việc thực hiện các công việc cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế tại các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

##### **1.1.3. Yêu cầu đối với luận văn**

- Trên cơ sở tổng hợp, hệ thống hóa, luận giải các vấn đề lí thuyết, luận văn phải đưa ra một cách tiếp cận mới, chỉ ra được những đóng góp mới trong lĩnh vực

kinh tế quốc tế. Luận văn phải phát hiện và tập trung giải quyết được một hoặc một số vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế quốc tế như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, kinh doanh quốc tế, từ đó đề xuất giải pháp hoặc kiến nghị giúp giải quyết vấn đề đưa ra, các giải pháp phải chứng tỏ quan điểm của cá nhân học viên và có tính khả thi.

- Dung lượng và hình thức trình bày của luận văn theo quy định chung của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Kết quả nghiên cứu của luận văn được khuyến khích trích đăng trên các tạp chí khoa học thuộc Danh mục Tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước. Trong trường hợp kết quả luận văn được trích đăng trên các tạp chí thuộc Danh mục trên trước khi học viên bảo vệ luận văn, điểm đánh giá luận văn của học viên sẽ được cộng từ 0,5 đến 1,0 điểm tùy theo mức điểm công trình tối đa của tạp chí trong Danh mục trên.

### **1.2. Năng lực chuyên môn**

- Có năng lực tác nghiệp trong các lĩnh vực cụ thể của thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế và chuỗi cung ứng và logistics.

- Có năng lực thực hiện các công việc cụ thể như phân tích, tư vấn chính sách, tư vấn, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án về thương mại quốc tế, tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế, chuỗi cung ứng, phù hợp với điều kiện thực tế tại các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Phát hiện và phân tích được các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức, triển khai các hoạt động trong lĩnh vực quốc tế và ứng dụng các kiến thức chuyên môn hiện đại một cách có hệ thống để giải quyết các vấn đề phát sinh đó.

### **1.3. Trình độ ngoại ngữ**

- Có khả năng sử dụng tiếng Anh tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

## **2. Về kỹ năng**

### **2.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

- Phân tích, đánh giá và dự báo một cách khoa học về những thay đổi của môi trường kinh tế vĩ mô để từ đó có thể đưa ra các đề xuất đúng đắn và phù hợp trong việc thực hiện các dự án trong lĩnh vực kinh tế quốc tế một cách có hiệu quả.

- Vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp.

- Kỹ năng tự đào tạo để thích ứng với những yêu cầu đa dạng của thực tiễn công tác.

- Có kỹ năng lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm soát các nguồn lực trong tổ chức để đưa ra quyết định đạt được mục tiêu trong môi trường làm việc luôn thay đổi.

## **2.2. Kỹ năng hỗ trợ**

- Làm việc độc lập và tự khám phá.

- Quản lý nhóm và lãnh đạo nhóm hiệu quả.

- Lập kế hoạch và thực hiện các dự án quốc tế một cách hiệu quả.

- Kỹ năng giao tiếp và thương lượng, đàm phán hiệu quả.

- Giải quyết tốt các mối quan hệ cá nhân trong tổ chức.

- Ủy quyền và thực hiện ủy quyền hiệu quả.

- Có thể giao tiếp bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn với trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

- Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phục vụ công tác chuyên môn (Excel, EViews, SPSS...).

## **3. Về phẩm chất đạo đức**

### **3.1. Trách nhiệm công dân**


- Có ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật, có trách nhiệm công dân, có ý thức bảo vệ lợi ích của cộng đồng và xã hội, làm việc với tinh thần kỷ luật cao và có tinh thần hướng về cộng đồng và vì cộng đồng. Tích cực tham gia công tác xã hội, đoàn thể.

### **3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ**

- Có các phẩm chất đạo đức cá nhân như bản lĩnh, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, đương đầu với rủi ro, có tinh thần tự tôn, linh hoạt và sáng tạo.

- Trung thực, thẳng thắn, khách quan trong công việc. Chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm và biết lắng nghe; có trách nhiệm với công việc được giao và có tinh thần cầu tiến, hợp tác, thân thiện với các đồng nghiệp và cá nhân khác trong công việc; có tinh thần làm việc nghiêm túc, khoa học. Kết hợp giữa lý thuyết và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm để giải quyết vấn đề thực tiễn đạt hiệu quả cao.

### **3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề**

- Có các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như đam mê với công việc và có trách nhiệm trong công việc, thích ứng với môi trường đa văn hóa. 

#### **4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế, cũng như đề xuất những sáng kiến có giá trị trong quá trình thực thi công việc;

- Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc đa văn hóa, cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn;

- Đưa ra được những kết luận để giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình thực thi các công việc trong lĩnh vực kinh tế quốc tế và kinh doanh quốc tế. Tổ chức triển khai các dự án về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, chuỗi cung ứng, logistics;

- Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; thực hiện công việc chuyên môn;

- Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn trong công việc.

#### **5. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp:**

*Nhóm 1- Giảng viên, nghiên cứu viên hoặc chuyên viên tại các cơ quan chính phủ:* Có năng lực giảng dạy và nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, các viện nghiên cứu. Có năng lực phân tích, tư vấn chính sách tại các Bộ, Ngành, địa phương trong cả nước.

*Nhóm 2- Nhà quản lý hoặc chuyên viên tư vấn và triển khai dự án quốc tế:* Có năng lực tham gia quản lý hoặc tư vấn, tổ chức triển khai các dự án quốc tế tại các tổ chức quốc tế như UN, IMF, WB, ADB,...và các tổ chức phi chính phủ.

*Nhóm 3- Nhà quản lý tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước:* Có đủ năng lực để đảm nhận các công việc lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án kinh doanh cũng như tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng về thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, chuỗi cung ứng và logistics, tại các doanh nghiệp nhà nước của Việt Nam, các công ty đa quốc gia, các doanh nghiệp liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài.

#### **6. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Sau khi tốt nghiệp, học viên có nhu cầu tham gia chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, học viên phải có ít nhất 02 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục Tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước. ✓

## 7. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo

- Thạc sĩ Thương mại và Tài chính quốc tế của Trường Đại học Glasgow (Anh)

<http://www.gla.ac.uk/postgraduate/taught/internationaltradingfinance/>

- Thạc sĩ Kinh tế Quốc tế của Đại học SUFFOLK (Hoa Kỳ)

<http://www.suffolk.edu/college/4403.html>

- Thạc sĩ Khoa học về Kinh tế quốc tế và phát triển, Đại học YALE (Hoa Kỳ)

[http://www.yale.edu/ide/program\\_core.html](http://www.yale.edu/ide/program_core.html)

- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland (Australia)

[http://www.uq.edu.au/study/program\\_list.html?acad\\_prog=5185](http://www.uq.edu.au/study/program_list.html?acad_prog=5185)

- Thạc sĩ Kinh tế quốc tế, Đại học Birmingham (Anh)

[http://www.birmingham.ac.uk/students/courses/postgraduate/taught/econ/international-economics.aspx?gclid=COHy\\_r\\_1i64CFUQA4god5hzv2g](http://www.birmingham.ac.uk/students/courses/postgraduate/taught/econ/international-economics.aspx?gclid=COHy_r_1i64CFUQA4god5hzv2g).

## PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: **64 tín chỉ (\*)**

Trong đó:

Khối kiến thức chung: **8 tín chỉ**

Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành: **47 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **26 tín chỉ**

+ *Tự chọn*: **21/45 tín chỉ**

Luận văn thạc sĩ: **9 tín chỉ**

(Trong đó có học phần Tiếng Anh cơ bản 4 tín chỉ là học phần điều kiện, không tính vào số tín chỉ tích lũy. Vì vậy, tổng số tín chỉ phải tích lũy là 60 tín chỉ)

### 2. Khung chương trình

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>8</b>				
1.	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2.	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <i>General English</i>	4	40	20	0	



STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>47</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>26</b>				
3.	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Study Design for thesis</i>	2	20	10	0	
4.	INE 6005	Lí thuyết Kinh tế vi mô <i>Microeconomics Theory</i>	2	20	10	0	
5.	INE 6003	Lí thuyết Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics Theory</i>	2	20	10	0	
6.	INE 6006	Thương mại quốc tế: Chính sách và thực tiễn <i>International Trade</i>	3	30	15	0	
7.	BSA 6022	Quản trị tài chính quốc tế <i>International Finance Management</i>	3	30	15	0	
8.	INE 6019	Đầu tư quốc tế: Chính sách và thực tiễn <i>International Investment: Policies and Practices</i>	3	30	15	0	
9.	INE 6020	Kinh doanh quốc tế: Thách thức trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu <i>International Business: Challenges of the Global Competition</i>	3	30	15	0	
10.	INE 6134	Chuỗi cung ứng: Lí thuyết và ứng dụng <i>Supply chain: Theory and Applications</i>	3	30	15	0	
11.	INE 6135	Thương mại điện tử: Lí thuyết và ứng dụng <i>E-Commerce: Theory and Applications</i>	3	30	15	0	
12.	INE 6011	Công ty xuyên quốc gia: Chuyển giao công nghệ và phát triển <i>Transnational Corporation: Technology transfer and Development</i>	2	20	10	0	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>21/45</b>				
13.	PEC 6103	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển <i>Industrialization in Developing Countries</i>	3	30	15	0	
14.	PEC 6109	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển <i>Poverty, inequality and governments in less developed countries</i>	3	30	15	0	

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
15.	INE 6028	Toàn cầu hóa và hội nhập Kinh tế quốc tế của Việt Nam <i>Globalization and International Economic integration of Vietnam</i>	3	30	15	0	
16.	INE 6104	Kinh tế thế giới hiện đại <i>The Contemporary World Economy</i>	3	30	15	0	
17.	BSA 6008	Các thị trường và định chế tài chính <i>Markets and financial institutions</i>	3	30	15	0	
18.	FIB 6025	Tài chính công <i>Public Finance</i>	3	30	15	0	
19.	INE 6110	Quản lý dự án quốc tế <i>International Project Management</i>	3	30	15	0	
20.	INE 6014	Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển <i>Foreign Debt of Developing Countries.</i>	3	30	15	0	
21.	PEC 6125	Nhà nước thị trường và quản trị quốc tế <i>State market and International management</i>	3	30	15	0	
22.	INE 6136	Kinh tế Đông Á <i>East Asian Economy</i>	3	30	15	0	
23.	INE 6007	Tài chính và tiền tệ quốc tế <i>Finance and International Monetary</i>	3	30	15	0	
24.	INE 6032	Hệ thống thông tin quản lý (MIS) <i>Management in formation system</i>	3	30	15	0	
25.	INE 6038	Đàm phán trong kinh doanh quốc tế: Lí thuyết và thực tiễn <i>Negotiating in International Business: Theory and Practice</i>	3	30	15	0	
26.	INE 6039	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế <i>Risk management in International business</i>	3	30	15	0	
27.	FIB 6032	Ngân hàng quốc tế nâng cao <i>Advanced International Bank</i>	3	30	15	0	
<b>III</b>	<b>INE 7002</b>	<b>Luận văn thạc sĩ</b>	<b>9</b>				
		<b>Cộng</b>	<b>64</b>				